

Bản án số: 57/2023/DS-PT

Ngày: 23/3/2023

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào.

Các thẩm phán: - Ông Đặng Kim Nhân.

- Ông Trần Đức Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 248/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 805/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1964; địa chỉ: số 106 đường T1, tổ 8, khối phố S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Kim T2 - Văn phòng Luật sư K, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 447A đường L, Phường Y, Quận Y1, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: ông Phạm Đức N, sinh năm 1961; địa chỉ: số 106, đường H2, khối T3, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Trần Văn L1, sinh năm 1972; địa chỉ: khối T3, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Địa chỉ: số 62, đường H2, thành phố T4, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1964, địa chỉ: số 106, đường H2, khối T3, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: ông Trần Văn L1, sinh năm 1972; địa chỉ: khối T3, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Bà Phạm Thị N2, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ 08, khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Bà Phạm Thị Bích L2, sinh năm 1969; Vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1972; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn B1, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng phía nguyên đơn trình bày: Năm 1984, vợ chồng ông Phạm Nh (*sinh năm 1935, chết năm 1995*) và bà Nguyễn Thị G (*sinh năm 1934, chết năm 2007*) nhận chuyển nhượng thửa đất số 459, tờ bản đồ số 4, diện tích 82m² (*theo hồ sơ địa chính Chỉ thị 299/TTg là 60m² thuộc thửa T161, tờ bản đồ số 01, tại Khối 1, phường C1, thị xã H*) của ông Phan M và bà Hồ Thị Ng, hai bên lập “*Giấy nhượng lại hoa lợi và chỗ làm*” ngày 03 tháng 7 năm 1988. Sau đó, diện tích đất này được ông Nh, bà G giao cho con là Phạm Đắc N quản lý, sử dụng làm trại cơ khí sản xuất, kinh doanh cho đến nay. Năm 1998, bà G và các con họp, phân chia nhà đất cha mẹ để lại và xác định “*trại cơ khí kế bên số 90 Đường H1 là tài sản cha mẹ để lại chia cho ông Phạm Đắc T và Phạm Đắc N sản xuất, làm ăn, khi nào cần sẽ giải quyết sau*”. Ông Nh và bà G chết không để lại di chúc. Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu chia di sản của ông Nh, bà G để lại là giá trị quyền sử dụng 79,5m² đất, thuộc một phần của thửa đất số 459, tờ bản đồ số 4 (*nay là thửa số 21, tờ bản đồ số 31*), tại khối T3, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho các con ruột là: Phạm Đắc N, Phạm Đắc T, Phạm Thị N2 và các con riêng của ông Phạm Nh là bà Phạm Thị Bích L2 và bà Phạm Thị B. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn đối với diện tích đất tranh chấp. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất tranh chấp.

Trong quá trình tố tụng, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng: Diện tích đất 79,5m² là một phần thửa đất số 459, tờ bản đồ số 04 (*nay là thửa số 21, tờ bản đồ số 31*), tại khối T3, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có nguồn gốc là mảnh đất Nh bên cạnh nhà ông Phan M, đất không ai sử dụng. Năm 1986, ông đi bộ đội về và hỏi xin ông M để làm lò rèn, ông M hướng dẫn làm đơn gửi đến phường C1 để xin. Ngày 15 tháng 7 năm 1987, ông làm đơn xin phép dựng lò rèn (*có xác nhận của ông Phan M*), đến ngày 20 tháng 7 năm 1987 thì Ủy ban nhân dân phường C1 và Phòng Nhà đất thị xã H xác nhận, cho phép. Tháng 8 năm 1987, khi thỏa thuận mua lại ngôi nhà của ông Phan M (*số 90 Đường H1*) thì ông M đòi trả thêm công bồi trúc và chuối cây bị chặt tại khu vực đất lò rèn nên đến ngày 05 tháng 7 năm 1988 ông

nhờ cha ruột là Phan Nh đứng ra thỏa thuận lập giấy nhượng hoa lợi trên mảnh vườn 60m² (việc này được vợ ông M là bà Ng xác nhận). Quá trình sử dụng lò rèn ổn định từ trước đến nay, ông N và vợ kê khai, đăng ký, thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai qua các thời kỳ và được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 21, tờ bản đồ số 31, diện tích 198,40m² vào năm 2001. Ông N thống nhất các thông tin mà nguyên đơn đưa ra về năm sinh, năm chết, những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Nh, bà G và việc ông Nh, bà G chết không để lại di chúc.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Th thống nhất với quan điểm của bị đơn.

+ Các bà: Phạm Thị N2, Phạm Thị Bích L2, Phạm Thị B đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cho rằng: việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Đắc N đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 31 là đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến diện tích đất tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ các điều 26, 34, 37, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 166, 217, 218 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các điều 634, 636, 637 Bộ luật Dân sự năm 1995; các điều 631, 633, 634 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 18 Luật Đất đai năm 1987, khoản 1 Điều 2, Điều 3, Điều 73, Điều 76 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2001; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; các điều 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 10 Nghị định 30/HĐBT ngày 23 tháng 3 năm 1989 hướng dẫn Luật Đất đai năm 1987; Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Đắc T về việc chia di sản thừa kế của ông Phạm Nh và bà Nguyễn Thị G để lại là quyền sử dụng 79,5m² đất, thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 31, diện tích 198,4m², tại khối T3, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (diện tích, tư cận thửa đất và phần đất tranh chấp được thể hiện tại bản vẽ kèm theo bản án).

2. Không có cơ sở để hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp cho ông Phạm Đắc N, bà Nguyễn Thị Ngọc Th ngày 28 tháng 9 năm 2001 đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 31, diện tích 198,4m², tại khối T3, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2022, ông Phạm Đắc T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Đắc T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Phạm Đắc T; nhận thấy:

[1.1]. Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

- Tại Vi bằng lập ngày 06/9/2021 (BL 84-84) và tại Bản trình bày ý kiến ngày 07/9/2021 (BL 86-88) bà Hồ Thị Ng (vợ ông Phan M) xác định: *Trước năm 1984, vợ chồng tôi là chủ sử dụng, sở hữu đối với thửa đất và ngôi nhà tại số 90 đường H1, C1, H. Bên cạnh thửa đất và ngôi nhà của chúng tôi có một mảnh đất hoang do nhà nước quản lý. Vào năm 1984, tôi có làm đơn xin cấp giấy miếng đất này, khoảng 60m². Ngày 26/6/1984, vợ chồng tôi được UBND thị xã H cấp Sơ đồ chỉ dẫn địa điểm cấp đất làm nhà đối với mảnh đất hoang nói trên. Trong nội dung Sơ đồ chỉ dẫn có nêu rõ nếu quá 6 tháng mà không sử dụng thì địa phương sẽ thu hồi. Tuy nhiên sau 6 tháng vợ chồng tôi vẫn chưa sử dụng nên đã giao trả lại cho nhà nước quản lý, vợ chồng tôi không liên quan gì đến diện tích đất hoang trên.*

Như vậy có căn cứ xác định diện tích đất 79,5m² thuộc một phần thửa số 21, tờ bản đồ số 31, tại phường C1, H là diện tích đất độc lập, thuộc quyền quản lý của nhà nước (vì lý do vợ chồng ông M, bà Ng không sử dụng theo Sơ đồ chỉ dẫn địa điểm cấp đất làm nhà của UBND thị xã H cấp) và không nằm trong thửa nhà đất số 90 đường H1 của vợ chồng ông Phạm M, bà Hồ Thị Ng, sau đó vào năm 1990 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Đắc N.

[1.2]. Quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp:

- Ngày 15 tháng 7 năm 1987, ông N làm đơn xin phép dựng lò rèn (có xác nhận của ông Phan M đồng ý cho ông N xây dựng trại làm lò rèn) và ngày 20 tháng 7 năm 1987 được Ủy ban nhân dân phường C1 và Phòng Nhà đất thị xã H xác nhận, cho phép; trong đó có quy định “khi nhà nước có yêu cầu giao để xây dựng công trình, phải dỡ”.

- Ngày 03/7/1988, ông Phạm Nh, bà Nguyễn Thị G (cha mẹ của ông N, ông T là bên mua) và vợ chồng ông Phan M, bà Hồ Thị Ng (là bên bán), lập Giấy nhượng lại hoa lợi và chỗ làm; trong đó giá trị bồi trừc và trồng tĩa là 02 chỉ vàng.

Tại thời điểm các bên lập “Giấy nhượng lại hoa lợi và chỗ làm” thì pháp luật đất đai nghiêm cấm việc mua, bán...đất đai (Điều 5 của Luật Đất đai năm 1987 quy định: *ng nghiêm cấm việc “mua, bán, lấn chiếm đất đai...dưới mọi hình thức”*). Mặt khác, diện tích đất này là do nhà nước quản lý, nên “Giấy nhượng lại hoa lợi và chỗ làm” này không phải là chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên vợ chồng ông Nh, bà G không được công nhận là có quyền sử dụng đất.

Ông Phạm Đắc N là người được Ủy ban nhân dân phường C1, Phòng Nhà đất, xây dựng thị xã H cấp, cho phép sử dụng diện tích đất hiện nay tranh chấp để làm lò rèn từ năm 1987; ông Phạm Nh, bà Nguyễn Thị G và các con không tranh chấp và thừa nhận việc sử dụng đất của ông N; việc chuyển nhượng lại hoa lợi và chỗ làm giữa vợ chồng ông Nh với vợ chồng ông M như đã nêu trên không phải là chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp.

Trong quá trình quản lý, sử dụng ông N thực hiện việc đăng ký, kê khai, lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp của ông Phạm Đắc N là đúng với quy định tại Điều 10 Nghị định 30/HĐBT ngày 23 tháng 3 năm 1989 hướng dẫn Luật Đất đai năm 1987. (Điều 10 quy định: *Khi người sử dụng đất chuyển, nhượng, bán nhà ở, vật kiến trúc khác, cây lâu năm theo quy định tại khoản 2 điều 49 Luật đất đai thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xét để quyết định việc giao đất cho người được nhận nhà ở, vật kiến trúc khác, cây lâu năm đó, nếu việc sử dụng đất đó thực tế là hợp pháp và hợp lý*).

[1.3]. Về “Biên bản hợp gia đình” lập ngày 14 tháng 9 năm 1998, có chữ ký của ông Phạm Đắc N để xác thực nội dung thỏa thuận “*Về cái trại cơ khí kế bên 90 Đường H1 là tài sản của cha mẹ để lại cho N và T sản xuất làm ăn khi nào cần thì giải quyết sau*”. Tuy nhiên đến năm 2017, các đồng thừa kế của ông Phạm Nh và bà Nguyễn Thị G gồm Phạm Đắc N, Phạm Đắc T, Phạm Thị N2 đã lập biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế (BL 45 – 49), xác định di sản do ông Nh và bà G để lại là 6 thửa đất tại khối phố S, phường C, thành phố H. Tại Thông báo về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do Phòng Công chứng HY lập ngày 06 tháng 7 năm 2017 (được Ủy ban nhân dân phường C niêm yết công khai 15 ngày), Văn phòng Công chứng HY nêu rõ “*Trong quá trình niêm yết thông báo về việc khai nhận di sản thừa kế, nếu có khiếu nại, tố cáo về việc bỏ sót, giấu giếm người được hưởng di sản thừa kế; bỏ sót di sản thừa kế,thì Ủy ban nhân dân phường gửi khiếu nại, tố cáo đó cho Văn phòng Công chứng HY để biết...*” (BL 48).

Tại biên bản kết thúc việc niêm yết lập ngày 25 tháng 7 năm 2017 thể hiện “...không nhận được thư khiếu nại hay tố cáo của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào liên quan đến việc phân chia và đăng ký thừa kế đối với di sản do ông Phạm Nh và bà Nguyễn Thị G đã chết để lại...” (BL 49). Mặt khác, ông T, bà N2 thừa nhận: hiện nay 6 thửa đất trên đã lập xong thủ tục sang tên cho các đồng thừa kế của ông Nh, bà G. Như vậy, từ năm 2017, ông T, bà N2 và các đồng thừa kế khác của ông Nh, bà G thừa nhận di sản do ông Nh, bà G để lại là 6 thửa đất đã niêm yết công khai, không bỏ sót di sản thừa kế nào khác, là mặc nhiên đã thừa nhận việc ông N đã kê khai, đăng ký và được cấp GCNQSD đối với diện tích đất 79,5m² vào năm 2001.

Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đắc T là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông T kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Phạm Đắc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Đắc T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Đắc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp đủ tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000216 ngày 15/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (do ông Nguyễn Thành Chương nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào

